

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/DS-ST
Ngày: 23 / 9 / 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Vũ và bà Bùi Thị Phương Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253A/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Hà Phương Hồng T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001, là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 7399A/2024/CĐ-AG-/GalaxyDT ngày 24/7/2024);

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ C, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Lê Văn N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/02/2020, ông Lê Văn N có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20200215-4904982 với Công ty M (V) để vay số tiền 16.300.000 đồng; lãi suất vay 68%/năm; mục đích vay vốn: mua xe hai bánh; thời hạn vay 24 tháng. Khi vay, ông N có ký hợp đồng thế chấp tài sản nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 67AD-054.52.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã trả được số tiền 15.264.000 đồng thì ngưng không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi và các phí khác mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 31/3/2023, khoản nợ của ông N được Công ty M chuyển nhượng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 10.751.181 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số 20200215-4904982 ngày 15/02/2020; hợp đồng thế chấp tài sản số 20200215-4904982 ngày 15/02/2020; hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001 ngày 31/3/2023 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Bị đơn ông Lê Văn N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa,

- Chủ tọa công bố lại lời khai của nguyên đơn.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 195, 196, và Điều 198 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có yêu cầu được xét xử vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS. Bị đơn trong suốt quá trình tố tụng thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và vắng mặt không lý do, nên xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hôm nay, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia

phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án thực hiện việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty M với ông Lê Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ. Việc Công ty M có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của ông N sang cho Công ty TNHH M mua bán nợ Galaxy là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay nên việc Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông N trả một lần số tiền vốn gốc còn nợ 10.751.181 đồng là có căn cứ, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Đối với việc ông N đã thế chấp tài sản là xe máy, nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 67AD-054.52 để đảm bảo khoản vay với Công ty. Thấy rằng, khi bản án có hiệu lực pháp luật ông N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật thi hành án dân sự để đảm bảo thu hồi nợ.

Đề nghị căn cứ các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Lê Văn N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 10.751.181 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH M (Công ty) khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của Công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Lê Văn N.

** Về nội dung:*

[3] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 15/02/2020, giữa Công ty M với ông Lê Văn N xác lập hợp đồng vay vốn theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20200215-4904982. Đến ngày 31/3/2023, khoản nợ của ông N được Công ty M chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001. Việc Công ty M chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty TNHH M mua bán nợ G không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, phù hợp với quy định tại Điều 365, 450 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty TNHH M có quyền khởi kiện yêu cầu ông N về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20200215-4904982 ngày 15/02/2020 giữa Công ty M với ông Lê Văn N được ký kết trên cơ sở tự nguyện hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20200215-4904982 ngày 15/02/2020, ông N được Công ty M cho vay số tiền 16.300.000 đồng. Sau khi vay, ông N đã trả được số tiền 15.264.000 đồng và không tiếp tục thanh toán theo hợp đồng từ ngày 16/02/2021. Ngày 31/3/2023, khoản nợ của ông N đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nên tính đến ngày 05/9/2024, ông N còn nợ Công ty TNHH M số tiền vốn gốc còn lại là 10.751.181 đồng.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M, buộc ông Lê Văn N trả cho Công ty TNHH M nợ Galaxy vốn gốc còn lại là 10.751.181 đồng.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 67AD-054.52 mang tên Lê Văn N để xử lý thu hồi nợ và nguyên đơn cung cấp hợp đồng thế chấp tài sản. Do đó, ông N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật thi hành án dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty TNHH M nợ G là 537.559 đồng, làm tròn số 538.000 đồng.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; k hoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Buộc ông Lê Văn N trả cho Công ty TNHH M số tiền 10.751.181 đồng (Mười triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, một trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Lê Văn N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe mô tô SYM, biển kiểm soát 67AD-054.52 mang tên Lê Văn N theo quy định pháp luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N phải chịu 538.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 492.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003695 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, ông Lê Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc